

Số: 750/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 02 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 4, phường Quyết Tiến**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu

hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu và 01 dự án trên địa bàn huyện Tân Uyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 488/TTr-TNMT ngày 21/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 4, phường Quyết Tiến, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **810.637.519 đồng**.
(*Bằng chữ: Tám trăm mười triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	810.637.519 đồng
+ Bồi thường về đất:	164.026.200 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	2.424.719 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	506.118.600 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	138.068.000 đồng

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- UBND các phường: Đoàn Kết, Tân Phong;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



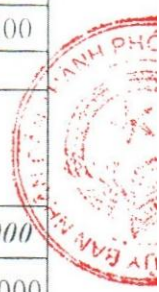
Phạm Minh Tuấn

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D- Lô 4, phường Quyết Tiến

(Kèm theo Quyết định số: 750/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
A	TỔNG CỘNG				810.637.519
1	Chi trả cho chủ sở hữu				810.637.519
a	Đất	m ²	4.824,3		164.026.200
b	Tài sản, VKT				2.424.719
c	Cây cối hoa màu				506.118.600
d	Chính sách hỗ trợ				138.068.000
B	CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN				810.637.519
1	Hà Thị Dậy				
	Địa chỉ: Tổ 6, phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				81.790.800
a	Về đất				17.010.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	500,3		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	500,3	34.000	17.010.200
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: đất của gia đình bà Hà Thị Dậy được Nông trường giao khoán năm 1998 sử dụng ổn định không tranh chấp				
b	Cây cối hoa màu trên đất				13.750.000
1	Sản lượng chè 500m ² *25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	2.500	5.500	13.750.000
c	Chính sách hỗ trợ				51.030.600
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	500,3	102.000	51.030.600
2	Hoàng Thị Huê				
	Địa chỉ: Tổ 3, phường Đoàn Kết				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				168.846.400
a	Về đất				34.727.600
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.021,4		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1.021,4	34.000	34.727.600
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số BQ 450145 ngày 19/12/2014; Hiện tại không tranh chấp				
b	Cây cối hoa màu trên đất				29.936.000
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất	cây	4,0	42.000	168.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ ba	cây	3,0	132.000	396.000
3	Sản lượng chè 1.000m ² *25 tấn/ha /năm*2 năm	kg	5.000	5.500	27.500.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
4	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2-4 m	cây	3	624.000	1.872.000
c	Chính sách hỗ trợ				104.182.800
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	1.021,4	102.000	104.182.800
3	Lã Thị Tuyên				
	Địa chỉ: Tổ 6, phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				82.520.800
a	Về đất				17.095.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	502,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	502,8	34.000	17.095.200
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số BQ450606 ngày 29/12/2014; Hiện tại không tranh chấp				
b	Cây cối hoa màu trên đất				14.140.000
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ hai	cây	4	66.000	264.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất	cây	3	42.000	126.000
3	Sản lượng chè 500 m ² *25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	2.500	5.500	13.750.000
c	Chính sách hỗ trợ				51.285.600
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	502,8	102.000	51.285.600
4	Lê Ngọc Luận				
	Địa chỉ: Tổ 6, phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				218.676.719
a	Về đất				44.370.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.305,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1.305,0	34.000	44.370.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng từ ông Lê Ngọc Khải và bà Trần Thị Nga được chỉnh lý biến động ngày 17/8/2017. Đất ông Khải được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số BQ450669 ngày 29/12/2014; Hiện tại không tranh chấp				
b	Tài sản, VKT				2.424.719
1	Bóc tách bể chứa nước				
1.1	Hố đào thủ công (1,4*1,1*0,7)	m ³	1,1	82.500	88.935

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>
1.2	Nền láng vữa xi măng dày 3cm (1,4*1,1)	m ²	1,5	39.600	60.984
1.3	Nền láng vữa xi măng dày 3cm (5,1*0,7)	m ²	3,6	39.600	141.372
2	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	7,2	48.400	348.480
3	Nền láng vữa xi măng dày 3cm (8,0*0,7)	m ²	5,6	39.600	221.760
4	Hố đào thủ công (0,7*0,7*1,0)	m ³	0,5	82.500	40.425
5	Tường xây gạch bi T12cm (8,1*1,0)	m ²	8,1	127.600	1.033.560
6	Trát vữa xi măng không đánh màu (16,0*1,0)	m ²	16,0	27.500	440.000
7	Trụ xây gạch bi (0,3*0,3*1,0)	m ³	0,1	546.700	49.203
<i>c</i>	<i>Cây cối hoa màu trên đất</i>				<i>38.772.000</i>
1	Cây ăn quả ghép cành năm thứ hai (cây bưởi)	cây	54	102.000	5.508.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ hai	cây	4	66.000	264.000
3	Sản lượng chè 1200 m ² *25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	6.000,0	5.500	33.000.000
<i>d</i>	<i>Chính sách hỗ trợ</i>				<i>133.110.000</i>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	1.305,0	102.000	133.110.000
5	Đào Thị Phụng				
	Địa chỉ: Tổ 6, phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				43.981.200
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				<i>9.135.800</i>
1	Diện tích thu hồi	m ²	268,7		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	268,7	34.000	9.135.800
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số BQ450602 ngày 29/12/2014; Hiện tại không tranh chấp				
<i>b</i>	<i>Cây cối hoa màu trên đất</i>				<i>7.438.000</i>
1	Cây lấy gỗ đường kính từ 5 đến 10cm	cây	1,0	30.000	30.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ ba	cây	1,0	132.000	132.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất	cây	3,0	42.000	126.000
3	Sản lượng chè 260 m ² *25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	1.300	5.500	7.150.000
<i>c</i>	<i>Chính sách hỗ trợ</i>				<i>27.407.400</i>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	268,7	102.000	27.407.400

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
6	Phạm Văn Đệ				
	Địa chỉ: Tổ 4, phường Tân Phong				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				214.821.600
a	Về đất				41.687.400
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.226,1		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1.226,1	34.000	41.687.400
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Phần diện tích 1212 m ² được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số CM591188 ngày 08/3/2018; phần diện tích 14,1 do Nông trường chè giao khoán chưa được cấp GCNQSD đất; Hiện tại không tranh chấp				
b	Cây cối hoa màu trên đất				34.032.000
1	Cây lấy gỗ đường kính 10- dưới 25cm (cây xoan)	cây	1,0	42.000	42.000
2	Cây lấy gỗ đường kính 5cm đến dưới 10 cm (cây xoan)	cây	1,0	30.000	30.000
3	Cây ổi bán kính tán từ 2 đến 4m	cây	2,0	480.000	960.000
3	Sản lượng chè 1200 m ² *25 tấn/ha / năm *2 năm	kg	6.000,0	5.500	33.000.000
c	Chính sách hỗ trợ				139.102.200
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	1.226,1	102.000	125.062.200
2	Gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất từ trên 70% diện tích đất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở (3 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 16 Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg /người	1.080,0	13.000	14.040.000